

Số: 03/2017/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 7 năm 2017



NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018 - 2021, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể mức hỗ trợ giống cây Keo lai được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô và cây Keo Tai tượng được gieo ươm từ hạt giống nhập ngoại, để trồng rừng sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018 - 2021, thông qua Ban Quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cấp cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân trồng rừng trên đất quy hoạch là rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Loài cây và điều kiện được hỗ trợ

3.1. Loài cây được hỗ trợ:

Cây Keo lai được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô và cây Keo Tai tượng được gieo ươm từ hạt giống nhập ngoại đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để trồng rừng sản xuất.

3.2. Điều kiện hỗ trợ:

Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ cây giống trồng rừng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có từ 0,5 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên, thuộc quy hoạch trồng rừng sản xuất.

b) Phải đóng góp công lao động, vật tư, phân bón trồng rừng theo đúng quy trình kỹ thuật.

c) Có kế hoạch trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch phát triển rừng sản xuất, đã được Nhà nước giao, cho thuê, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

d) Có đơn đăng ký nhận hỗ trợ cây giống và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, được Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nằm trong hồ sơ thiết kế được duyệt.

4. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Trên 1 đơn vị diện tích trồng rừng sản xuất chỉ được hỗ trợ 1 lần theo chính sách này.

b) Việc hỗ trợ cây giống được thực hiện theo kế hoạch trồng rừng hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Cây giống được hỗ trợ là cây đủ tiêu chuẩn chất lượng do các tổ chức cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện về sản xuất giống cây lâm nghiệp sản xuất và cung ứng.

c) Hộ gia đình, cá nhân đã nhận cây giống hỗ trợ của Nhà nước để trồng rừng, nếu sau 3 năm mà rừng không đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước thì chủ rừng phải tự bỏ vốn để trồng lại rừng.

d) Sau khi khai thác rừng trồng, trong vòng 12 tháng, chủ rừng phải tự tổ chức trồng lại rừng theo quy định.

5. Hình thức và mức hỗ trợ

5.1. Hình thức: Hỗ trợ 01 lần bằng cây giống, chi phí vận chuyển cây giống, chi phí thiết kế, chi phí quản lý dự án cho các hộ gia đình, cá nhân thông qua các Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cấp cơ sở.

5.2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần số lượng cây giống để trồng rừng theo mật độ quy định:

+ Đối với cây Keo lai mô: Hỗ trợ 1.460 cây/ha;

+ Đối với cây Keo tai tượng hạt nhập ngoại: Hỗ trợ 1.826 cây/ha.

b) Hỗ trợ chi phí vận chuyển cây giống đến trung tâm xã theo đơn giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

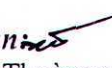
c) Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, xác định vị trí, diện tích, ký kết hợp đồng trồng rừng: 50.000 đồng/ha và 10% chi phí quản lý trực tiếp.

6. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn vốn xã hội hóa.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

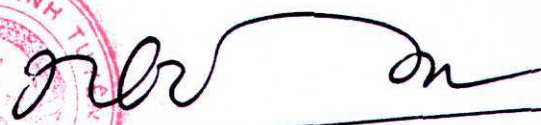
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2017 và có hiệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT, (Trị).

CHỦ TỊCH





Nguyễn Văn Sơn